

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 05/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 05 - 01 - 2023.

V/v: Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Lê Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022: Về vụ án Kiện xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST - DS ngày 26/12/2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn B - sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm X, xã NT, huyện N0, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Cao Thị N - sinh năm 2001.

Địa chỉ: Xóm X, xã NT,, huyện N0, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh B, vắng mặt chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 01/11/2022 cũng như lời khai của nguyên đơn anh Trần Văn B trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Cao Thị N vào tháng 11/2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện N0, tỉnh Nam Định. Ngay sau khi được cấp đăng ký kết hôn vợ chồng về chung sống đã

không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không thành, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã NH, anh đã tìm nhiều lần nhưng chị N không về, vợ chồng ly thân từ đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Về con chung anh xác định vợ chồng có một con chung là cháu Trần Ngọc Bảo A sinh ngày 01/12/2020. Kể từ khi vợ chồng ly thân cháu A đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn do cháu còn nhỏ anh nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 01/2023 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Về tài sản chung theo B, vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm anh đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay chị Cao Thị N vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Lời khai của chị N trong bản tự khai tại Tòa thể hiện: Chị và anh Trần Văn B tự nguyện kết hôn với nhau vào tháng 11/2019, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã NT. Ngay sau khi được cấp đăng ký kết hôn vợ chồng về chung sống đã không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vừa mới cưới về chị mang thai bị ghen việc ăn uống khó khăn, chị không được sự quan tâm giúp đỡ của anh B và mọi người trong gia đình nhà chồng, không những vậy chị còn bị chị dâu của anh B chửi bới, bắt đi làm, số tiền, vàng bố mẹ cho khi cưới chị đã đưa hết cho vợ chồng chị dâu và anh B, anh chị chi tiêu như thế nào chị không được biết, khi chị tâm sự với anh B thì anh không những không bảo vệ mà còn chửi bới chị, bản thân anh B sống gia trưởng. Do áp lực chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhờ trong thời gian đó anh B không quan tâm gì đến chị, khi chị sinh con anh B và gia đình anh B không ai quan tâm. Nay anh B có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Về con chung chị thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Trần Ngọc Bảo A sinh ngày 01/12/2020. Hiện cháu đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và đồng ý mức tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu A của anh B cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng, kể từ tháng 01/2023 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Anh B và chị N kết hôn với nhau vào năm 2019 là hôn nhân tự do tiến bộ, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bất đồng quan điểm sống, nay anh B có đơn xin ly hôn, chị N cũng nhất trí. Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh B không còn anh chị đều nhất trí thuận tình ly hôn vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 55 Luật hôn nhân gia đình xử thuận tình ly hôn. Về con giao cháu Trần Ngọc Bảo A sinh ngày 01/12/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu A của anh B là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng. Tài sản chung anh B và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên anh B phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Văn B và chị Cao Thị N đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã NT, huyện N0, tỉnh Nam Định, việc anh B có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vụ án của anh chị được Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Chị Cao Thị N vắng mặt tại phiên tòa hôm nay có lý do vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử vắng mặt chị N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Trần Văn B và chị Cao Thị N vào tháng 11/2019 được UBND xã NT cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thành chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ vợ chồng ly thân từ đó, trong thời gian ly thân cả hai không quan tâm đến nhau. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn, chị N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị N và anh B đều thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của anh B và chị N là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Trần Văn B và chị Cao Thị N thống nhất xác định vợ chồng có một con chung cháu Trần Ngọc Bảo A sinh ngày 01/12/2020. Hiện cháu đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị N xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và đồng ý mức tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu A của anh B cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 01/2023 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận nuôi con chung của anh B và chị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Trần Văn B và chị Cao Thị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra vấn đề xem giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Văn B phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 6 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử công nhận thuận tình ly hôn anh Trần Văn B và chị Cao Thị N.

2 - Về con chung; Xử giao con chung là Trần Ngọc Bảo A sinh ngày 01/12/2020. Cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu A cùng chị N mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 01/2023 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Về Án phí

+ Án phí dân sự sơ thẩm anh Trần Văn B phải nộp 300.000đ.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Văn B phải nộp 300.000đ

Tổng số tiền án phí anh B phải nộp là 600.000đ, anh B đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000772 ngày 11/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng được đối trừ, anh B còn phải nộp 300.000đ.

Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ niêm yết công khai bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6.7.7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh.
- VKS huyện.
- THA huyện.
- UBND xã NT.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Chung

Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ niêm yết công khai bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6.7.7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ